

ỦY BAN NHÂN DÂN
HUYỆN TÂN UYÊN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: /UBND-NV

Tân Uyên, ngày tháng 8 năm 2024

V/v tuyên truyền Chỉ số đo lường
sự hài lòng của người dân đối với
sự phục vụ của cơ quan hành
chính nhà nước huyện Tân Uyên

Kính gửi:

- Các cơ quan, đơn vị thuộc UBND huyện;
- Ủy ban nhân dân các xã, thị trấn.

Căn cứ Quyết định số 694/QĐ-UBND ngày 15/5/2024 của UBND tỉnh Lai Châu về phê duyệt và công bố chỉ số cải cách hành chính năm 2023 của các Sở, ban, ngành tỉnh; UBND các huyện, thành phố trên địa bàn tỉnh Lai Châu;

Căn cứ Kế hoạch số 2205/KH-UBND ngày 11/6/2024 của UBND tỉnh Lai Châu về cải thiện và nâng cao Chỉ số cải cách hành chính (PAR INDEX), Chỉ số hài lòng của người dân đối với sự phục vụ của các cơ quan hành chính nhà nước (SIPAS) tỉnh Lai Châu năm 2024;

Căn cứ Công văn số 1235/SNV-CCHC ngày 02/7/2024 của Sở Nội vụ tỉnh Lai Châu về việc tuyên truyền Chỉ số đo lường sự hài lòng của người dân đối với sự phục vụ của cơ quan hành chính nhà nước tỉnh Lai Châu;

Căn cứ Kế hoạch số 1513/KH-UBND ngày 17/7/2024 của UBND huyện Tân Uyên về việc cải thiện và nâng cao Chỉ số Cải cách hành chính (PAR INDEX), Chỉ số hài lòng của người dân đối với sự phục vụ của các cơ quan hành chính nhà nước (SIPAS) huyện Tân Uyên năm 2024.

Trên cơ sở kết quả hài lòng của người dân đối với sự phục vụ của cơ quan hành chính nhà nước huyện Tân Uyên năm 2023 do UBND tỉnh công bố đạt 61,09%, với mục tiêu năm 2024 phấn đấu Chỉ số hài lòng của người dân đối với sự phục vụ của cơ quan hành chính nhà nước trên địa bàn huyện đạt trên 80%, Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện yêu cầu các cơ quan, đơn vị; UBND các xã, thị trấn tập chung triển khai thực hiện một số nội dung sau:

1. Tổ chức thông tin, tuyên truyền tới cán bộ, công chức, viên chức và người dân về mục tiêu, đối tượng, phạm vi, nội dung đo lường sự hài lòng của người dân đối với sự phục vụ của các cơ quan hành chính nhà nước trên địa bàn huyện (có tài liệu tuyên truyền kèm theo). Trên cơ sở đó để người dân nhận thức đầy đủ, chính xác về cuộc khảo sát và tham gia trả lời đầy đủ, trung thực, khách quan các nội dung trong phiếu khảo sát của UBND tỉnh về khảo sát sự hài lòng của người

dân đối với sự phục vụ của cơ quan hành chính nhà nước năm 2024, giai đoạn 2024 - 2026.

2. Kịp thời nắm bắt tâm tư, nguyện vọng, nhu cầu, mong đợi của người dân về các chính sách công đang tổ chức thực hiện, các dịch vụ công đang cung ứng. Từ đó cải thiện chất lượng tổ chức thực hiện chính sách công, cung ứng dịch vụ công tại cơ quan, đơn vị. Chủ động nâng cấp cơ sở vật chất, trang thiết bị của bộ phận một cửa, đồng thời có kiến nghị với huyện, tỉnh đối với những nội dung vượt thẩm quyền của cơ quan, đơn vị qua đó nâng cao mức độ hài lòng của người dân đối với sự phục vụ của các cơ quan hành chính nhà nước trên địa bàn huyện Tân Uyên năm 2024.

Căn cứ nội dung Công văn này, Chủ tịch UBND huyện yêu cầu thủ trưởng các cơ quan, đơn vị; Chủ tịch UBND các xã, thị trấn nghiêm túc triển khai thực hiện./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- TT. Huyện ủy; (B/c)
- Chủ tịch, các PCT UBND huyện;
- Trang Thông tin, điện tử huyện (đăng tải);
- Lưu: VT, NV.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**

Nguyễn Thanh Văn

TÀI LIỆU TUYÊN TRUYỀN

Đo lường hài lòng của người dân đối với sự phục vụ của cơ quan hành chính nhà nước trên địa bàn tỉnh Lai Châu

(Kèm theo Công văn số /UBND-NV ngày /8/2024 của UBND huyện)

I. THÔNG TIN CHUNG VỀ CHỈ SỐ ĐO LƯỜNG SỰ HÀI LÒNG CỦA NGƯỜI DÂN ĐỐI VỚI SỰ PHỤC VỤ CỦA CƠ QUAN HÀNH CHÍNH NHÀ NƯỚC (gọi tắt là SIPAS)

1. Mục tiêu

1.1 Mục tiêu chung

Chỉ số SIPAS nhằm đánh giá khách quan chất lượng phục vụ người dân của cơ quan hành chính nhà nước trên địa bàn tỉnh, góp phần xây dựng nền hành chính phục vụ, lấy người dân làm trung tâm, công khai, minh bạch, nâng cao trách nhiệm

giải trình theo mục tiêu của Nghị quyết số 08-NQ/TU ngày 20/5/2021 của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh về đẩy mạnh cải cách hành chính, cải thiện môi trường đầu tư kinh doanh, nâng cao năng lực cạnh tranh cấp tỉnh giai đoạn 2021-2025, định hướng đến năm 2030 và mục tiêu của Kế hoạch số 2943/KH-UBND ngày 20/9/2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh về cải cách hành chính tỉnh Lai Châu giai đoạn 2021-2030.

1.2 Mục tiêu cụ thể

- Hàng năm, tiến hành đo lường và công bố Chỉ số hài lòng của người dân đối với sự phục vụ của cơ quan hành chính nhà nước trên địa bàn huyện.

- Thu thập các thông tin khách quan về nhận định, đánh giá, mức độ hài lòng, nhu cầu, mong đợi của người dân đối với sự phục vụ của cơ quan hành chính nhà nước dựa trên cảm nhận của người dân. Từ đó chỉ đạo các cơ quan, đơn vị có những giải pháp phù hợp, hiệu quả nhằm cải thiện, nâng cao chất lượng phục vụ của cơ quan hành chính nhà nước và sự hài lòng của người dân.

- Nâng cao nhận thức, văn hóa thực thi công vụ lấy người dân làm trung tâm trong đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức.

- Tạo điều kiện, cơ hội để người dân tham gia vào quá trình xây dựng, tổ chức thực hiện chính sách và giám sát đối với hoạt động của các cơ quan hành chính nhà nước.

2. Đối tượng, nội dung khảo sát

- Đối tượng khảo sát: Là người đại diện cho hộ gia đình, đủ 18 tuổi trở lên, có đủ năng lực hành vi, biết đọc, biết viết.

- Phạm vi thực hiện khảo sát: thị trấn Tân Uyên, xã Nậm Cắn, xã Nậm Sỏ.

- Nội dung khảo sát: Đo lường sự hài lòng của người dân ở 3 khía cạnh:

(1) Nhận định, đánh giá của người dân đối với sự phục vụ của cơ quan hành chính nhà nước.

(2) Mức độ hài lòng của người dân đối với sự phục vụ của cơ quan hành chính nhà nước, bao gồm: hài lòng đối với việc xây dựng, tổ chức thực hiện chính sách công¹ và hài lòng đối với việc cung ứng dịch vụ công²;

(3) Nhu cầu, mong đợi của người dân đối với sự phục vụ của cơ quan hành chính nhà nước.

II. CHỈ SỐ SIPAS HUYỆN TÂN UYÊN NĂM 2023

1. Cơ quan đánh giá, công bố: UBND tỉnh Lai Châu.

2. Đối tượng đánh giá: huyện Tân Uyên

3. Chọn mẫu khảo sát, số mẫu khảo sát

Chọn mẫu khảo sát: thị trấn Tân Uyên, xã Nậm Cắn, xã Nậm Sỏ, mỗi xã, thị trấn chọn 03 bản, tổ dân phố; mỗi bản, tổ dân phố chọn 30 hộ gia đình. Các hộ gia đình được đưa vào danh sách phải đảm bảo đại diện của tất cả các phố, phường, đội, xóm, điểm bản của thôn, bản, tổ dân phố đó.

(Có danh sách các hộ gia đình kèm theo)

4. Hình thức khảo sát

Căn cứ vào điều kiện thực tiễn, nguồn lực, quy mô khảo sát, có thể lựa chọn hình thức khảo sát trong 2 hình thức sau:

- Phát phiếu khảo sát trực tiếp đến người dân, thông qua 2 phương pháp:

+ Phát phiếu điều tra điện tử: Điều tra viên sẽ cung cấp đường link phiếu điều tra thông qua gmail hoặc zalo của đối tượng khảo sát, hướng dẫn người đại diện hộ gia đình thực hiện các bước đăng nhập, thực hiện khảo sát trên điện thoại di động thông minh hoặc trên máy tính. Kết quả điều tra của các đối tượng điều tra sẽ được gửi về Phần mềm chấm điểm chỉ số cải cách hành chính của tỉnh khi đối tượng điều tra kết thúc điều tra và nhấn nút gửi đi.

+ Phát phiếu điều tra giấy: Điều tra viên sẽ đưa phiếu điều tra để người đại diện hộ gia đình tự trả lời, thu phiếu đã trả lời, kiểm phiếu thu về để đảm bảo tất cả các câu hỏi đều được trả lời. Phiếu điều tra sau khi kiểm duyệt hợp lệ, có

¹ Chính sách công được lựa chọn điều tra xã hội học là những chính sách quan trọng đối với đời sống người dân gồm: Chính sách phát triển kinh tế; Chính sách khám, chữa bệnh; Chính sách giáo dục phổ thông; Chính sách nước sinh hoạt; Chính sách điện sinh hoạt; Chính sách trật tự, an toàn xã hội; Chính sách giao thông đường bộ; Chính sách an sinh, xã hội; Chính sách cải cách hành chính.

² Tiếp cận dịch vụ; Thủ tục hành chính; công chức trực tiếp giải quyết công việc; kết quả giải quyết TTHC; việc tiếp nhận, xử lý phản ánh, kiến nghị của người dân

Những dịch vụ hành chính công phổ biến được cung ứng tại các cấp chính quyền địa phương (như: đăng ký kết hôn, chuyển đổi giấy phép lái xe, cấp căn cước công dân, hộ chiếu, cấp chứng chỉ hành nghề hoặc các hoạt động công chứng, chứng thực khác).

đầy đủ thông tin sẽ được nhập dữ liệu vào Phần mềm chấm điểm Chỉ số cải cách hành chính của tỉnh. Phương pháp này áp dụng đối với những địa điểm điều tra không có mạng internet, người dân không có thiết bị điện thoại thông minh...

- Khảo sát trực tuyến trên Trang thông tin điện tử cải cách hành chính tỉnh; qua phần mềm chấm điểm chỉ số cải cách hành chính hoặc các nền tảng xã hội.

PHIẾU KHẢO SÁT
Sự hài lòng của người dân đối với sự phục vụ của
cơ quan hành chính nhà nước trên địa bàn tỉnh Lai Châu năm ...

Huyện/Thành phố:

Xã/trấn:

Bản, Tổ dân phố:

GIỚI THIỆU KHẢO SÁT

Để hiểu được nhận định, đánh giá, mức độ hài lòng và nhu cầu, mong đợi của người dân đối với sự phục vụ của cơ quan hành chính nhà nước trên địa bàn tỉnh Lai Châu, làm cơ sở chỉ đạo các cơ quan hành chính nhà nước trên địa bàn tỉnh thực hiện các giải pháp cần thiết để phục vụ người dân ngày càng tốt hơn, đáp ứng được nhu cầu, mong đợi của người dân.

UBND tỉnh kính mong Ông/Bà tham gia trả lời phiếu khảo sát đo lường sự hài lòng của người dân một cách đầy đủ, chính xác, khách quan. Các thông tin mà Ông/Bà cung cấp trong phiếu khảo sát sẽ được bảo mật theo quy định.

Phần dành cho điều tra viên

Mã số phiếu:

Họ tên điều tra viên:

Số điện thoại điều tra viên:

Điều tra viên ký tên:

PHẦN A:

THÔNG TIN CÁ NHÂN NGƯỜI TRẢ LỜI KHẢO SÁT

Xin Ông/Bà khoanh tròn xung quanh chữ số (1, 2, 3 ...) đứng trước phương án trả lời mà Ông/Bà lựa chọn

Giới tính:

1. Nam

2. Nữ

Độ tuổi:

1. 18 - 25 tuổi

2. 25 - 34 tuổi

3. 35 - 49 tuổi

4. 50 - 60 tuổi

5. Trên 60 tuổi

Dân tộc:

1. Kinh

2. Khác (*xin viết cụ thể*):

Trình độ học vấn:

1. Tiểu học (cấp I)

2. Trung học cơ sở (cấp II)

3. Trung học phổ thông (cấp III)

4. Dạy nghề/Trung cấp/Cao đẳng
5. Đại học/ trên Đại học
6. Khác (*xin viết cụ thể*):

Nghề nghiệp:

1. Nghỉ hưu
2. Không đi làm (ở nhà)
3. Làm công việc tự do (không ký hợp đồng lao động)
4. Sinh viên
5. Làm việc tại tổ chức, doanh nghiệp trong lĩnh vực tư
6. Làm việc tại cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp trong lĩnh vực công
7. Khác (*xin viết cụ thể*):

Nơi sinh sống:

1. Trung tâm huyện, xã
2. Xa trung tâm huyện, xã

PHẦN B. CÂU HỎI KHẢO SÁT

Xin Ông/Bà khoanh tròn xung quanh chữ số (1, 2, 3, ...) tương ứng với phương án trả lời mà Ông/Bà lựa chọn.

Câu 1. Xin Ông/Bà cho biết mức độ quan tâm theo dõi của Ông/Bà đối với các chính sách công trong bảng dưới đây (theo dõi thông qua cả hình thức đọc báo, nghe đài, xem trên ti vi, trên mạng internet)?

(“Chính sách” ở đây nói đến các quy định, chương trình, hành động của chính quyền, cơ quan hành chính nhà nước ở địa phương).

| | Không quan tâm theo dõi | Khá quan tâm theo dõi | Quan tâm theo dõi | Rất quan tâm theo dõi |
|---|--------------------------------|------------------------------|--------------------------|------------------------------|
| 1. Chính sách khám, chữa bệnh ở địa phương | 1 | 2 | 3 | 4 |
| 2. Chính sách giáo dục phổ thông ở địa phương | 1 | 2 | 3 | 4 |
| 3. Chính sách phát triển kinh tế ở địa phương | 1 | 2 | 3 | 4 |
| 4. Chính sách an sinh, xã hội ở địa phương | 1 | 2 | 3 | 4 |

Câu 2. Trong thời gian qua, Ông/Bà đã sử dụng kênh thông tin nào để theo dõi các chính sách nêu ở Câu 1?

1. Qua loa phát thanh xã.
2. Qua họp, sinh hoạt, thông báo tại khu dân cư.
3. Qua chính quyền, công chức.
4. Qua người thân, bạn bè.
5. Qua đài, ti vi, báo chí.
6. Qua mạng internet (*Trang thông tin điện tử, cổng thông tin điện tử, báo điện tử, zalo, facebook...*).
7. Qua hình thức khác (*xin ghi cụ thể*):

Câu 3. Ông/Bà đánh giá mức độ phù hợp của các hình thức cơ quan nhà nước cung cấp thông tin về các chính sách nêu ở Câu 1 đối với bản thân Ông/Bà như thế nào?

| | Không phù hợp | Khá phù hợp | Phù hợp | Rất phù hợp |
|---|---------------|-------------|---------|-------------|
| 1. Cung cấp thông tin về các chính sách qua loa phát thanh xã. | 1 | 2 | 3 | 4 |
| 2. Cung cấp thông tin về các chính sách qua họp, sinh hoạt, thông báo tại khu dân cư. | 1 | 2 | 3 | 4 |
| 3. Cung cấp thông tin về các chính sách qua chính quyền, công chức. | 1 | 2 | 3 | 4 |
| 4. Cung cấp thông tin về các chính sách qua người thân, bạn bè. | 1 | 2 | 3 | 4 |
| 5. Cung cấp thông tin về các chính sách qua đài, ti vi, báo chí. | 1 | 2 | 3 | 4 |
| 6. Cung cấp thông tin về các chính sách qua mạng internet (<i>Trang thông tin điện tử, báo điện tử, zalo, facebook...</i>). | 1 | 2 | 3 | 4 |
| 7. Cung cấp thông tin về các chính sách qua hình thức khác. | 1 | 2 | 3 | 4 |

Câu 4. Trong thời gian tới, nếu cơ quan nhà nước tổ chức xin ý kiến người dân về chính sách nêu ở Câu 1, Ông/Bà có tham gia góp ý kiến không?

1. Sẽ tham gia, nếu được xin ý kiến theo bất kỳ hình thức nào.
2. Sẽ tham gia, nếu được xin ý kiến theo hình thức gửi phiếu xin ý kiến đến nhà, cơ quan.
3. Sẽ tham gia, nếu được xin ý kiến tại cuộc họp cư dân ở nơi sinh sống.
4. Sẽ tham gia, nếu được xin ý kiến theo hình thức trực tuyến.

Câu 5. Ông/Bà cảm nhận như thế nào về tình trạng công chức gây phiền hà, sách nhiễu cho người dân trong quá trình giải quyết thủ tục hành chính hiện nay ở địa phương?

1. Không có công chức nào gây phiền hà, sách nhiễu cho người dân.
2. Có một số công chức gây phiền hà, sách nhiễu cho người dân.
3. Có nhiều công chức gây phiền hà, sách nhiễu cho người dân.

Câu 6. Ông/Bà suy nghĩ gì về tình trạng người dân phải đưa tiền ngoài quy định nộp phí/lệ phí (hay còn gọi là “tiền bôi trơn”, tiền “đút lót”) cho công chức trong quá trình giải quyết thủ tục hành chính hiện nay ở địa phương?

1. Không có người dân nào phải đưa tiền ngoài quy định cho công chức.
2. Có một số người dân phải đưa tiền ngoài quy định cho công chức.
3. Có nhiều người dân phải đưa tiền ngoài quy định cho công chức.

Câu 7. Ông/Bà đánh giá mức độ phù hợp của các hình thức giải quyết thủ tục hành chính đối với bản thân Ông/Bà như thế nào?

| | Không phù hợp | Khá phù hợp | Phù hợp | Rất phù hợp |
|---|---------------|-------------|---------|-------------|
| 1. Nộp hồ sơ và nhận kết quả giải quyết thủ tục hành chính theo hình thức trực tiếp (<i>tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của cơ quan nhà nước</i>). | 1 | 2 | 3 | 4 |
| 2. Nộp hồ sơ và nhận kết quả giải quyết thủ tục hành chính theo hình thức trực tuyến | 1 | 2 | 3 | 4 |

| | | | | |
|--|---|---|---|---|
| toàn trình (tất cả các công việc đều thực hiện qua mạng internet) | | | | |
| 3. Nộp hồ sơ và nhận kết quả giải quyết thủ tục hành chính theo hình thức trực tuyến một phần (một số công việc trực tiếp tại cơ quan nhà nước và một số công việc qua mạng internet). | 1 | 2 | 3 | 4 |

Câu 8. Xin Ông/Bà cho biết trải nghiệm của bản thân Ông/Bà đối với các nội dung trong bảng dưới đây?

| Nội dung | Có | Không |
|--|----|-------|
| 1. Ông/Bà đang có người thân đang đi học phổ thông hoặc đã có người thân đi học phổ thông trong thời gian 3 năm trở lại đây. | 1 | 2 |
| 2. Ông/Bà hoặc người thân của Ông/Bà đi khám, chữa bệnh tại bệnh viện, phòng khám đa khoa ở tuyến tỉnh, thành phố, tuyến huyện, quận, tuyến xã, phường. | 1 | 2 |
| 3. Ông/Bà đến giải quyết thủ tục hành chính tại Bộ phận Tiếp nhận và trả kết quả của huyện, thành phố | 1 | 2 |
| 4. Ông/Bà đến giải quyết thủ tục hành chính tại Bộ phận Tiếp nhận và trả kết quả của xã, phường, thị trấn. | 1 | 2 |
| 5. Ông/Bà hỏi chính quyền xã/phường/thị trấn, huyện/thành phố nơi ông/bà sinh sống; công chức ở huyện/thành phố, công chức ở xã/phường/thị trấn về chính sách, thủ tục hành chính. | 1 | 2 |
| 6. Ông/Bà nêu ý kiến với chính quyền nơi ông/bà sinh sống về kết quả thực hiện chính sách, kết quả giải quyết thủ tục hành chính (ý kiến đánh giá, ý kiến phản ánh, kiến nghị) | 1 | 2 |

Câu 9. Xin Ông/Bà cho biết mức độ hài lòng của Ông/Bà về các nội dung trong bảng bên dưới đây.

Xin Ông/Bà khoanh tròn xung quanh chữ số 1, 2 ... 5 tùy theo mức độ hài lòng của Ông/Bà, trong đó:

Mức độ “Rất không hài lòng” được tính 1 điểm;

Mức độ “Không hài lòng” được tính 2 điểm;

Mức độ “Bình thường” được tính 3 điểm ;

Mức độ “Hài lòng” được tính 4 điểm;

Mức độ “Rất hài lòng” được tính 5 điểm.

| Nội dung | Mức độ hài lòng | | | | |
|---|--------------------|----------------|-------------|----------|--------------|
| | Rất không hài lòng | Không hài lòng | Bình thường | Hài lòng | Rất hài lòng |
| I. VIỆC XÂY DỰNG, TỔ CHỨC THỰC HIỆN CHÍNH SÁCH CÔNG (NÊU Ở CÂU 1) | | | | | |
| A. Trách nhiệm giải trình của chính quyền về chính sách | | | | | |
| 1. Chính quyền nơi ông/bà sinh sống (xã/phường/thị trấn, huyện/thành phố) cung cấp, giải thích thông tin về các chính | 1 | 2 | 3 | 4 | 5 |

| | | | | | |
|---|---|---|---|---|---|
| sách theo nhiều hình thức, giúp mọi người dân dễ tìm, dễ thấy, dễ hiểu. (Các hình thức như: Niêm yết công khai tại trụ sở cơ quan, loa phát thanh phường/xã, họp tổ dân phố/thôn, bản, đăng tải trên trang thông tin điện tử của huyện/ thành phố...) | | | | | |
| B. Sự tham gia của người dân vào quá trình xây dựng, tổ chức thực hiện chính sách | | | | | |
| 2. Chính quyền tổ chức nhiều hình thức để người dân dễ dàng phản hồi ý kiến đánh giá tình hình triển khai và kết quả, tác động của các chính sách ở địa phương (chính sách phát triển kinh tế, chính sách giáo dục phổ thông, chính sách khám, chữa bệnh, chính sách an sinh xã hội). | 1 | 2 | 3 | 4 | 5 |
| C. Chất lượng tổ chức thực hiện chính sách | | | | | |
| 3. Chính quyền tổ chức thực hiện tốt chính sách phát triển kinh tế ở địa phương (Các quy định, các hoạt động thu hút đầu tư, kinh doanh, việc làm, tín dụng...) | 1 | 2 | 3 | 4 | 5 |
| 4. Chính quyền tổ chức thực hiện tốt chính sách khám chữa bệnh ở địa phương (Các quy định, hoạt động khám, chữa bệnh, bảo hiểm y tế, viện phí, nhập viện, chuyển viện... ở các bệnh viện công, phòng khám công, trạm y tế) | 1 | 2 | 3 | 4 | 5 |
| 5. Chính quyền tổ chức thực hiện tốt chính sách giáo dục phổ thông ở địa phương. (Các quy định, hoạt động dạy và học, chương trình học, sách giáo khoa, trường học, lớp học, đánh giá học sinh, thủ tục nhập học ... ở các trường phổ thông công lập) | 1 | 2 | 3 | 4 | 5 |
| 6. Chính quyền tổ chức thực hiện tốt chính sách an sinh xã hội ở địa phương. (Các quy định, hoạt động thu, thanh toán bảo hiểm xã hội, bảo hiểm thất nghiệp; hỗ trợ thường xuyên đối với người có công, người nghèo, người tàn tật, hỗ trợ đột xuất cho người dân khi gặp mất mùa, thiên tai ...) | 1 | 2 | 3 | 4 | 5 |
| D. Kết quả, tác động của chính sách | | | | | |
| 7. Kinh tế gia đình của người dân địa phương tốt hơn. | 1 | 2 | 3 | 4 | 5 |

| | | | | | |
|---|---|---|---|---|---|
| 8. Kinh tế - xã hội của địa phương tốt hơn. | 1 | 2 | 3 | 4 | 5 |
| 9. Bệnh viện công lập ở địa phương khám chữa bệnh cho người dân tốt hơn. | 1 | 2 | 3 | 4 | 5 |
| 10. Trường phổ thông công lập dạy học sinh tốt hơn. | 1 | 2 | 3 | 4 | 5 |
| 11. An sinh xã hội đối với người dân ở địa phương tốt hơn. | 1 | 2 | 3 | 4 | 5 |
| II. VIỆC CUNG ỨNG DỊCH VỤ HÀNH CHÍNH CÔNG | | | | | |
| A. Tiếp cận dịch vụ | | | | | |
| 12. Bộ phận Tiếp nhận và trả kết quả của huyện/thành phố, của xã/phường/thị trấn có biển hiệu, hướng dẫn rõ ràng, giúp người dân dễ tìm, dễ thấy | 1 | 2 | 3 | 4 | 5 |
| 13. Bộ phận Tiếp nhận và trả kết quả của huyện/thành phố, của xã/phường/thị trấn có đủ ghế ngồi chờ, ghế ngồi giải quyết công việc và bàn viết cho người dân. | 1 | 2 | 3 | 4 | 5 |
| 14. Bộ phận Tiếp nhận và trả kết quả của huyện/thành phố, của xã/phường/thị trấn có trang thiết bị phục vụ người dân đầy đủ, chất lượng tốt, giúp người dân giải quyết công việc dễ dàng hơn. <i>(Máy lấy số xếp hàng, máy tính, máy để tra cứu thông tin, máy điều hòa, quạt mát)</i> | 1 | 2 | 3 | 4 | 5 |
| B. Thủ tục hành chính | | | | | |
| 15. Quy định thủ tục hành chính được niêm yết công khai Bộ phận Tiếp nhận và trả kết quả giúp người dân dễ thấy, dễ đọc. | 1 | 2 | 3 | 4 | 5 |
| 16. Công chức tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả yêu cầu người dân nộp hồ sơ giải quyết thủ tục hành chính đúng theo quy định. | 1 | 2 | 3 | 4 | 5 |
| 17. Công chức trực tiếp giải quyết công việc yêu cầu người dân đóng phí/lệ phí giải quyết thủ tục hành chính đúng theo quy định. | 1 | 2 | 3 | 4 | 5 |
| 18. Thời hạn giải quyết thủ tục hành chính cho người dân đúng theo quy định. | 1 | 2 | 3 | 4 | 5 |
| C. Công chức trực tiếp giải quyết công việc | | | | | |

| | | | | | |
|---|---|---|---|---|---|
| 19. Công chức ở Bộ phận Tiếp nhận và trả kết quả có thái độ giao tiếp lịch sự, tôn trọng đối với người dân. | 1 | 2 | 3 | 4 | 5 |
| 20. Công chức ở Bộ phận Tiếp nhận và trả kết quả hướng dẫn hồ sơ dễ hiểu, đầy đủ, giúp người dân có thể hoàn thiện hồ sơ sau một lần hướng dẫn. | 1 | 2 | 3 | 4 | 5 |
| 21. Công chức ở Bộ phận Tiếp nhận và trả kết quả tuân thủ đúng quy định trong giải quyết thủ tục hành chính cho người dân. | 1 | 2 | 3 | 4 | 5 |
| D. Kết quả (<i>Kết quả giải quyết thủ tục hành chính có thể là được cấp giấy tờ hoặc bị từ chối cấp giấy tờ</i>) | | | | | |
| 22. Kết quả giải quyết thủ tục hành chính cho người dân được trả đúng hẹn. | 1 | 2 | 3 | 4 | 5 |
| 23. Kết quả giải quyết thủ tục hành chính cho người dân có thông tin đầy đủ, chính xác. | 1 | 2 | 3 | 4 | 5 |
| 24. Kết quả giải quyết thủ tục hành chính cho người dân đảm bảo tính công bằng. | 1 | 2 | 3 | 4 | 5 |
| E. Việc tiếp nhận, xử lý phản ánh, kiến nghị của người dân | | | | | |
| 25. Bộ phận Tiếp nhận và trả kết quả bố trí hình thức tiếp nhận phản ánh, kiến nghị, giúp người dân phản ánh, kiến nghị dễ dàng. | 1 | 2 | 3 | 4 | 5 |
| 26. Bộ phận Tiếp nhận và trả kết quả tiếp nhận, xử lý phản ánh, kiến nghị của người dân đúng quy định. | 1 | 2 | 3 | 4 | 5 |
| 27. Bộ phận Tiếp nhận và trả kết quả thông báo kết quả xử lý phản ánh kiến nghị cho người dân kịp thời. | 1 | 2 | 3 | 4 | 5 |

Câu 10. Xin Ông/Bà cho biết mức độ mong muốn của Ông/Bà đối với chính quyền địa phương trong việc cải thiện chất lượng phục vụ người dân trên các nội dung trong bảng dưới đây?

| Nội dung | Không mong muốn | Khá mong muốn | Mong muốn | Rất mong muốn |
|--|-----------------|---------------|-----------|---------------|
| 1. Nâng cao tính công khai, minh bạch trong cung cấp thông tin cho người dân. | 1 | 2 | 3 | 4 |
| 2. Tăng cường trách nhiệm giải trình của chính quyền đối với người dân. | 1 | 2 | 3 | 4 |
| 3. Mở rộng các cơ hội tham gia giám sát của người dân đối với hoạt động của chính quyền. | 1 | 2 | 3 | 4 |
| 4. Nâng cao hiệu lực, hiệu quả hoạt động của chính quyền địa phương. | 1 | 2 | 3 | 4 |

| | | | | |
|--|---|---|---|---|
| 5. Tăng cường cơ sở vật chất, trang thiết bị phục vụ giải quyết công việc cho người dân. | 1 | 2 | 3 | 4 |
| 6. Nâng cao năng lực của cán bộ, công chức, viên chức trong giải quyết công việc cho người dân. | 1 | 2 | 3 | 4 |
| 7. Nâng cao tinh thần, thái độ phục vụ của cán bộ, công chức, viên chức đối với người dân trong giải quyết công việc cho người dân. | 1 | 2 | 3 | 4 |
| 8. Tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin, chuyên đổi số trong giải quyết công việc cho người dân. | 1 | 2 | 3 | 4 |
| 9. Nâng cao chất lượng cung ứng dịch vụ công trực tuyến để tạo điều kiện thuận lợi, dễ dàng cho người dân trong thực hiện dịch vụ công trực tuyến. | 1 | 2 | 3 | 4 |
| 10. Nâng cao chất lượng tiếp nhận, giải quyết ý kiến góp ý, phản ánh, kiến nghị của người dân. | 1 | 2 | 3 | 4 |

Ý kiến khác (xin Ông/Bà ghi cụ thể):

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

**XIN TRÂN TRỌNG CẢM ƠN ÔNG/BÀ
ĐÃ THAM GIA TRẢ LỜI KHẢO SÁT!**

DANH SÁCH**Hộ gia đình có tên trong Danh sách lựa chọn để tham gia khảo sát đo lường sự hài lòng của người dân đối với sự phục vụ của cơ quan hành chính nhà nước năm 2024***(Kèm theo Công văn số: /UBND-NV ngày /8/2024 của UBND huyện Tân Uyên)*

| TT | Họ và tên | Số điện thoại | Có các thiết bị số (máy tính, điện thoại thông minh...), địa bàn nơi sinh sống có mạng internet | Không có các thiết bị số (máy tính, điện thoại thông minh...), địa bàn nơi sinh sống không có mạng internet |
|------------|---|----------------------|--|--|
| I | THỊ TRẤN TÂN UYÊN | | | |
| (1) | Tổ dân số 15 (nơi đặt trụ sở UBND thị trấn Tân Uyên) | | | |
| 1 | Vũ Việt Anh | 0968712223 | x | |
| 2 | Phạm Thị Ngọc Anh | 0964266698 | x | |
| 3 | Hoàng Thị Biên | 0965325685 | x | |
| 4 | Đỗ Văn Chân | 0973655568 | x | |
| 5 | Bùi Thị Chi | 0963127341 | x | |
| 6 | Phạm Chí Chiến | 0388321999 | x | |
| 7 | Vũ Đình Chiến | 0397848196 | x | |
| 8 | Đình Mạnh Cường | 0975593107 | x | |
| 9 | Hoàng Văn Do | 0987981400 | x | |
| 10 | Khổng Thuỳ Dung | 0813700456 | x | |
| 11 | Hoàng Đức Dũng | 0972694628 | x | |
| 12 | Đoàn Trung Dũng | 0962219266 | x | |
| 13 | Lương Thị Duyên | 0344259211 | x | |
| 14 | Lê Thị Hà | 0399654820 | x | |
| 15 | Nguyễn Văn Hiền | 0364501883 | x | |
| 16 | Bùi Hữu Khánh | 0355848261 | x | |
| 17 | Đình Thị Liễu | 0963701678 | x | |
| 18 | Nguyễn Hữu Nam | 0397848196 | x | |
| 19 | Nguyễn Thị Hồng Nguyên | 0913899730 | x | |
| 20 | Tạ Xuân Sắc | 0385382496 | x | |
| 21 | Vũ Thị Thanh Tâm | 0396813960 | x | |
| 22 | Đỗ Thị Thanh | 0899809331 | x | |
| 23 | Nguyễn Đăng Thành | 0974781238 | x | |
| 24 | Đình Thị Thảo | 0345939086 | x | |

| | | | | |
|------------|----------------------|------------|---|--|
| 25 | Nguyễn Thị Trang | 0397848196 | x | |
| 26 | Nguyễn Thành Trung | 0983954797 | x | |
| 27 | Bùi Ngọc Trung | 0978669901 | x | |
| 28 | Nguyễn Mạnh Tú | 0979736924 | x | |
| 29 | Lê Anh Tuấn | 0987352677 | x | |
| 30 | Hà Thị Xuân | 0787499222 | x | |
| (2) | Tổ dân phố 2 | | | |
| 1 | Vũ Tuấn Anh | 0975669222 | x | |
| 2 | Phạm Quốc Chung | 0369686446 | x | |
| 3 | Hoàng Mạnh Cường | 0833999184 | x | |
| 4 | Bùi Thế Cường | 0397848196 | x | |
| 5 | Trần Văn Đăng | 0985911899 | x | |
| 6 | Nguyễn Minh Đức | 0979503141 | x | |
| 7 | Nguyễn Thị Hằng | 0972936745 | x | |
| 8 | Lê Minh Hiếu | 0395383214 | x | |
| 9 | Lê Ngọc Hoàn | 0985661551 | x | |
| 10 | Nguyễn Thị Huệ | 0369053666 | x | |
| 11 | Nguyễn Bá Hưng | 0392222992 | x | |
| 12 | Nguyễn Quốc Hương | 0815905811 | x | |
| 13 | Hà Thu Huyền | 0347569999 | x | |
| 14 | Nguyễn Thị Thu Huyền | 0976968943 | x | |
| 15 | Lê Văn Khoa | 0986691999 | x | |
| 16 | Phạm Thiên Lộc | 0386128198 | x | |
| 17 | Lò Thị Ngân | 0372030888 | x | |
| 18 | Nguyễn Hồng Nhung | 0397848196 | x | |
| 19 | Nguyễn Tiến Phần | 0975553668 | x | |
| 20 | Nguyễn Thị Tám | 0888629112 | x | |
| 21 | Phạm Thị Hồng Tâm | 0981275536 | x | |
| 22 | Lê Tám Thêm | 0989329686 | x | |
| 23 | Vũ Công Thiêm | 0984820502 | x | |
| 24 | Lê Thị Thơm | 0397848196 | x | |
| 25 | Hoàng Đình Thương | 0912919569 | x | |
| 26 | Lê Kiều Thuý | 0915771791 | x | |
| 27 | Đình Thị Thủy | 0962206470 | x | |

| | | | | |
|------------|----------------------|------------|---|--|
| 28 | Đặng Văn Tú | 0973782844 | x | |
| 29 | Đàm Vũ Tuyền | 0888706706 | x | |
| 30 | Phạm Thị Tuyết | 0984525013 | x | |
| (3) | Bản Tân Muôn | | | |
| 1 | Hoàng Văn Bú | 0326134507 | x | |
| 2 | Lò Văn Cầu | 0388894365 | x | |
| 3 | Hoàng Văn Cỏi | 0335660271 | x | |
| 4 | Chèo A Diễn | 0987897781 | x | |
| 5 | Hoàng Văn Đói | 0829698584 | x | |
| 6 | Hoàng Văn Đói (hải) | 0912854694 | x | |
| 7 | Lò Văn Đung | 0377639188 | x | |
| 8 | Hoàng Văn Hặc | 0352816506 | x | |
| 9 | Hoàng Văn Hít | 0868134807 | x | |
| 10 | Hoàng Thị Hoa | 0326127589 | x | |
| 11 | Lò Văn Khó | 0347124341 | x | |
| 12 | Lò Văn Khoa | 0354050031 | x | |
| 13 | Hoàng Văn Lả | 0327120298 | x | |
| 14 | Hoàng Văn Lê | 0336746301 | x | |
| 15 | Hoàng Văn Lợi | 0868502369 | x | |
| 16 | Hoàng Văn Nguyên | 0983799035 | x | |
| 17 | Quàng Thị Nhung | 0931067563 | x | |
| 18 | Hoàng Văn Nơi | 0384426114 | x | |
| 19 | Hoàng Văn Pành | 0374247073 | x | |
| 20 | Hoàng Văn Piu | 0392112019 | x | |
| 21 | Hoàng Văn Pôm (giót) | 0978267401 | x | |
| 22 | Lò Văn Sâm | 0354609582 | x | |
| 23 | Hoàng Văn Sơn | 0349805117 | x | |
| 24 | Hoàng Văn Sơn (chí) | 0387154273 | x | |
| 25 | Tòng Thị Sơi | 0397848196 | x | |
| 26 | Hoàng Văn Tế | 0357176286 | x | |
| 27 | Hoàng Văn Tèn | 0383303758 | x | |
| 28 | Hoàng Văn Thòn | 0383303658 | x | |
| 29 | Lò Văn Toàn | 0366770469 | x | |
| 30 | Hoàng Văn Xuân | 0364310129 | x | |
| II | XÃ NẠM SỎ | | | |

| (1) Bản Nà Ngò (nơi đặt trụ sở UBND xã Nậm Sỏ) | | | | |
|---|-------------------|------------|---|---|
| 1 | Lò Văn Thâng | 0397403644 | x | |
| 2 | Lò Văn Pè | 0968878667 | x | |
| 3 | Lò Văn Puôn | 0334398363 | x | |
| 4 | Lò Văn Hánh | 0387875184 | x | |
| 5 | Lường Văn Chài | 0918350250 | x | |
| 6 | Lò Văn Lả | 0353999196 | x | |
| 7 | Lò Văn Lả (Hốt) | 0329268577 | x | |
| 8 | Lò Văn Ký | 0386929775 | x | |
| 9 | Lù Văn Bua | 0379662267 | x | |
| 10 | Lò Văn Pêm | 0325591761 | x | |
| 11 | Lò Thanh Nội | 0971612434 | x | |
| 12 | Lường Văn Chiên | 0353999187 | x | |
| 13 | Lường Văn Biên | 0326556036 | x | |
| 14 | Lường Văn Tiến | 0397533255 | x | |
| 15 | Lường Văn Xương | 0868136428 | x | |
| 16 | Lò Văn Mong | 0965361428 | x | |
| 17 | Lò Văn Quân | 0367409028 | x | |
| 18 | Lò Văn Bậy | 0353298494 | x | |
| 19 | Lò Văn Đồi | 0396744595 | x | |
| 20 | Lò Văn Thượng | 0366558006 | x | |
| 21 | Lò Văn Liên | 0393979646 | x | |
| 22 | Lò Văn Chài | 0989186944 | x | |
| 23 | Lò Văn Hềnh | 352307830 | x | |
| 24 | Lò Văn Hại | 0392895080 | x | |
| 25 | Lò Văn Luân | 0969780196 | x | |
| 26 | Lò Văn Chai | 0344002725 | x | |
| 27 | Lò Văn Ngò | 0359374794 | x | |
| 28 | Lò Văn Tủi | | | x |
| 29 | Lù Văn Pò | 0354922594 | x | |
| 30 | Lò Văn Pâng | 0385877912 | x | |
| (2) Bản Tho Ló | | | | |
| 31 | Hà Văn Nông | 0364055341 | x | |
| 32 | Hà Văn Pành | | | x |
| 33 | Lò Văn Hây (Hung) | 0347508581 | x | |

| | | | | |
|------------|---------------------|------------|---|---|
| 34 | Lò Văn On | 0367373693 | x | |
| 35 | Hà Văn Nghim | 0977921763 | x | |
| 36 | Lò Văn Yên | 0356109458 | x | |
| 37 | Lò Văn Chài | 0963896716 | x | |
| 38 | Lò Văn Trài | 0869974008 | x | |
| 39 | Hà Văn Anh | 0367648702 | x | |
| 40 | Hoàng Thị Ánh | 0336060718 | x | |
| 41 | Lò Văn Nội | 0377728374 | x | |
| 42 | Lò Văn Thu | 0355724754 | x | |
| 43 | Lò Văn Lả | | | x |
| 44 | Lò Văn Ang (Hây) | | | x |
| 45 | Lò Văn Pành | | | x |
| 46 | Lò Văn Ngánh | 0359768596 | x | |
| 47 | Lò Văn Hây (Hoa) | 0348822161 | x | |
| 48 | Lò Văn Chựa | 0348776833 | x | |
| 49 | Lò Văn Mìn | 0327213805 | x | |
| 50 | Lò Văn Bạy | 0867786601 | x | |
| 51 | Quàng Văn Ương | 0348321938 | x | |
| 52 | Quàng Văn Anh | 0328860864 | x | |
| 53 | Hà Văn Đôi | | | x |
| 54 | Lò Văn Ang | 0372840960 | x | |
| 55 | Hà Văn Mon | 0984290820 | x | |
| 56 | Lò Văn Anh (D) | 0971572958 | x | |
| 57 | Lò Văn Hôm | 0972424723 | x | |
| 58 | Hà Văn Xêm | | | x |
| 59 | Lò Văn Huấn | 0388698031 | x | |
| 60 | Lò Văn Hôi | 0333344775 | x | |
| (3) | Bản Ít Lương | | | |
| 61 | Hà Văn Chợ | 0367186824 | x | |
| 62 | Lò Văn Ca | 0392755437 | x | |
| 63 | Hà Văn Pành | 0388337032 | x | |
| 64 | Lò Văn Chựa | 0352325117 | x | |
| 65 | Hà Văn Ành | 0985661793 | x | |
| 66 | Lò Văn Cô | 0343039852 | x | |
| 67 | Lò Văn Chung | 0377696494 | x | |

| | | | | |
|------------|-----------------------|------------|---|--|
| 68 | Lò Văn Tèo | 0865764822 | x | |
| 69 | Lò Văn Ong | 0375380787 | x | |
| 70 | Lò Văn Thân | 0981809524 | x | |
| 71 | Hà Văn Ổn | 0327589524 | x | |
| 72 | Hà Văn Bắc | 0963668344 | x | |
| 73 | Lò Văn Lượng | 0396017833 | x | |
| 74 | Lò Văn Ảnh | 0366656612 | x | |
| 75 | Hà Văn Duy | 0868258587 | x | |
| 76 | Hà Văn Thắng | 0367617389 | x | |
| 77 | Lò Văn Dên | 0356470593 | x | |
| 78 | Lò Văn Thạnh | 0969109852 | x | |
| 79 | Hà Văn Khởi | 0949368931 | x | |
| 80 | Lò Văn Mệ | 0386744635 | x | |
| 81 | Lò Văn Chài | 0866135193 | x | |
| 82 | Hà Văn Đả | 0961308204 | x | |
| 83 | Lò Văn Khoan | 0374092418 | x | |
| 84 | Lò Văn Phớ | 0325252717 | x | |
| 85 | Lường Văn Nhâm | 0339040922 | x | |
| 86 | Lò Văn Túp | 0325907794 | x | |
| 87 | Lường Văn Bở | 0346209948 | x | |
| 88 | Lường Văn Pinh | 0374367253 | x | |
| 89 | Lường Văn Pè | 0367046316 | x | |
| 90 | Lò Văn Xuân | 0347238477 | x | |
| III | XÃ NẠM CÀN | | | |
| (1) | Bản Phiêng Lúc | | | |
| 1 | Lò Văn Ảnh | 0984945720 | x | |
| 2 | Lò Văn Chài | 0383263728 | x | |
| 3 | Tòng Văn Châu | 0337575602 | x | |
| 4 | Hoàng Văn Đôi | 0386665273 | x | |
| 5 | Lò Văn Dương | 0393526750 | x | |
| 6 | Lò Văn Hịa | 0338618740 | x | |
| 7 | Tòng Văn Hoa | 0378268029 | x | |
| 8 | Vì Văn Hòa | 0357233712 | x | |
| 9 | Vì Văn Hợp | 0375775553 | x | |
| 10 | Lường Văn Ngánh | 0985588662 | x | |

| | | | | |
|------------|-----------------------|------------|---|--|
| 11 | Lù Văn Inh | 0333618947 | x | |
| 12 | Lò Văn Inh | 0989094364 | x | |
| 13 | Lường Văn Loan | 0969311701 | x | |
| 14 | Lò Văn Muôn | 0328313521 | x | |
| 15 | Lò Văn Ngắm | 0941726033 | x | |
| 16 | Vì Văn Nhen | 0339080870 | x | |
| 17 | Vì Văn Pành | 0822640542 | x | |
| 18 | Lường Văn Phớ | 0326021182 | x | |
| 19 | Hà Thị Phúng | 0334791635 | x | |
| 20 | Lường Văn Phương | 0865724775 | x | |
| 21 | Vì Văn Pò | 0389197203 | x | |
| 22 | Vì Văn Thanh | 0343806049 | x | |
| 23 | Lò Văn Thêm | 0325743723 | x | |
| 24 | Lò Văn Thiện | 0384916390 | x | |
| 25 | Vì Văn Tom | 0964164420 | x | |
| 26 | Lường Văn Vinh | 0397136507 | x | |
| 27 | Lù Văn Vui | 0987141472 | x | |
| 28 | Lò Văn Xương | 0384804950 | x | |
| 29 | Lò Văn Yên | 0328333744 | x | |
| 30 | Tông Văn Đanh | 0398003092 | x | |
| (2) | Bản Phiêng Bay | | | |
| 1 | Lò Văn Chang | 0367057495 | x | |
| 2 | Lò Văn Chiêng | 0342952960 | x | |
| 3 | Lò Thị Chúc | 0328813091 | x | |
| 4 | Lò Văn Công | 0978291577 | x | |
| 5 | Lò Văn Đôi | 0359850978 | x | |
| 6 | Lò Văn Dững | 0327268890 | x | |
| 8 | Lò Văn Dương | 0338581486 | x | |
| 9 | Lò Văn Hùng | 0349807397 | x | |
| 10 | Lò Văn Hường | 0985495034 | x | |
| 13 | Lò Văn Long | 0355838706 | x | |
| 11 | Lò Văn Luân | 0963043389 | x | |
| 12 | Lò Thị Luận | 0362718659 | x | |
| 14 | Lò Văn Minh | 0376965966 | x | |
| 15 | Lò Văn Mừng | 0986633200 | x | |

| | | | | |
|------------|-----------------------|------------|---|--|
| 16 | Lò Văn Muôn | 0382786810 | x | |
| 17 | Lò Văn Ngoan | 0979427903 | x | |
| 7 | Hoàng Văn Ôn | 0336336006 | x | |
| 18 | Lò Văn Ôn | 0336336006 | x | |
| 19 | Lò Văn Phấn | 0327529428 | x | |
| 20 | Lò Văn Phảng | 0965534690 | x | |
| 28 | Lò Văn Phó | 0389988379 | x | |
| 21 | Lò Văn Phớ | 0345125211 | x | |
| 22 | Lò Văn Tân | 0988897222 | x | |
| 23 | Lò Văn Tem | 0865153141 | x | |
| 24 | Lò Thị Thâng | 0325191513 | x | |
| 25 | Lò Văn Thoan | 0349394162 | x | |
| 26 | Lò Văn Thương | 0949671630 | x | |
| 27 | Lò Văn Tiến | 0329989044 | x | |
| 29 | Lò Văn Vui | 0915884067 | x | |
| 30 | Lò Thị Xuân | 0364314042 | x | |
| (3) | Bản Hua Phường | | | |
| 1 | Lò Văn Bậy | 0338556765 | x | |
| 2 | Lò Văn Bộ | 0868134859 | x | |
| 3 | Vì Văn Chài | 0334859830 | x | |
| 4 | Lò Văn Chung | 0339505027 | x | |
| 5 | Lò Văn Đôi | 0333535081 | x | |
| 6 | Vì Văn Duân | 0388709400 | x | |
| 7 | Lò Văn Em | 0385408593 | x | |
| 8 | Đêm Văn Ếm | 0342582710 | x | |
| 9 | Lò Văn Hịa | 0348024153 | x | |
| 10 | Lò Văn Lả | 0397002378 | x | |
| 11 | Đêm Văn Lả | 0325273481 | x | |
| 12 | Vì Văn Liên | 0367785019 | x | |
| 13 | Lò Văn Moi | 0974851679 | x | |
| 14 | Đêm Văn Muôn | 0386307170 | x | |
| 15 | Lò Văn Nam | 0329069571 | x | |
| 16 | Lò Văn Nghiên | 0335513486 | x | |
| 17 | Lò Văn Ôt | 0377182044 | x | |
| 18 | Lò Văn Pâng | 0386302024 | x | |

| | | | | |
|----|----------------|------------|---|--|
| 19 | Lò Văn Pôm | 0964042284 | x | |
| 20 | Đềm Văn Pôm | 0362841029 | x | |
| 21 | Lò Văn Sơn | 0357254825 | x | |
| 22 | Lò Văn Tê | 0338619356 | x | |
| 23 | Đềm Văn Thanh | 0365473413 | x | |
| 24 | Đềm Văn Thuận | 0344924151 | x | |
| 25 | Đềm Văn Thương | 0941786033 | x | |
| 26 | Lò Văn Tiên | 0862942617 | x | |
| 27 | Lò Văn Tinh | 0388816271 | x | |
| 28 | Lò Văn Tuân | 0363782654 | x | |
| 29 | Đềm Thị Vọng | 0328672716 | x | |
| 30 | Lò Văn Xuân | 0367467098 | x | |